

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2021.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Quốc Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Thái Văn Lộc;

bà Nguyễn Thị Kim Linh.

***Thư ký phiên tòa:*** ông Huỳnh Thanh Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:***  
bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* chị **Đặng Ngọc Phương T**, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

*Bị đơn:* anh **Vũ Hà G**, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* chị và anh Vũ Hà G chung sống với nhau từ năm 2012 và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh G chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không

hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Vũ Hà G.

Về con chung: chị và anh G có 03 con chung: Vũ Hoàng Thiên L, sinh ngày 10-10-2012; Vũ Hoàng Thiên Đ, sinh ngày 11-3-2014; Vũ Hoàng Thiên P, sinh ngày 11-3-2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có.

Bị đơn: anh Vũ Hà G đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo, quyết định và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trong hồ sơ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

*Về tố tụng:* Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G là đúng theo quy định pháp luật.

*Về nội dung:* Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh G. Về con chung: chị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng 03 con chung; anh G không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu. Về tài sản chung: chị T không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: chị T xác định không có nên không giải quyết.

*Về án phí:* Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* bị đơn, anh Vũ Hà G có nơi cư trú tại: khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

*Về thủ tục tố tụng:* Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh G.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: chị T và anh G chung sống với nhau từ năm 2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị T và anh G có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Qua kết quả xác minh tại địa phương (bút lục số 21) thì trong quá trình chung sống chị T và anh G thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh G chơi cờ bạc không lo lắng cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh G vắng mặt không có lý do, cho thấy anh G không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị T và anh G ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] *Về con chung*: chị T và anh G có 03 con chung: Vũ Hoàng Thiên L, sinh ngày 10-10-2012; Vũ Hoàng Thiên Đ, sinh ngày 11-3-2014; Vũ Hoàng Thiên P, sinh ngày 11-3-2014. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Tại các biên bản lấy ý kiến con chung (bút lục số 23, 24, 25) thì các con chung đều có nguyện vọng sống với chị T nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao các con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp; anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: chị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về việc

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Ngọc Phương T về việc ly hôn với anh Vũ Hà G.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Đặng Ngọc Phương T và anh Vũ Hà G được ly hôn.

2. Về con chung: chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 03 con chung là Vũ Hoàng Thiên L, sinh ngày 10-10-2012; Vũ Hoàng Thiên Đ, sinh ngày 11-3-2014; Vũ Hoàng Thiên P, sinh ngày 11-3-2014. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Anh G được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: chị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị T xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007066 ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị T, anh G có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan cấp GCNKH;
- Lưu

**Nguyễn Quốc Hùng**